

Số: **37** /2019/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **03** tháng **10** năm 2019

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi

Vùng nước cảng biển Quảng Ngãi thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Dung Quất.
2. Vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Sa Kỳ.
3. Vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực đảo Lý Sơn.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi

Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi tính theo mực nước thủy triều lớn nhất được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Dung Quất:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm DQ1, DQ2, DQ3, DQ4, DQ5 và DQ6, có vị trí tọa độ sau đây:

DQ1: $15^{\circ}23'50.0''\text{N}$, $108^{\circ}44'30.0''\text{E}$;

DQ2: $15^{\circ}27'00.0''\text{N}$, $108^{\circ}43'30.0''\text{E}$;

DQ3: $15^{\circ}29'56.3''\text{N}$, $108^{\circ}43'30.0''\text{E}$;

DQ4: $15^{\circ}29'56.3''\text{N}$, $108^{\circ}55'06.5''\text{E}$;

DQ5: $15^{\circ}21'02.6''\text{N}$, $108^{\circ}55'06.5''\text{E}$;

DQ6: $15^{\circ}21'02.6''\text{N}$, $108^{\circ}52'13.5''\text{E}$ (mũi Phước Thiện).

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm DQ1 chạy dọc theo bờ biển về phía Đông Nam qua cửa sông Trà Bồng chạy tiếp đến điểm DQ6 (mũi Phước Thiện).

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Sa Kỳ:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm SK1, SK2, SK3 và SK4, có vị trí tọa độ sau đây:

SK1: $15^{\circ}12'37.0''\text{N}$, $108^{\circ}55'41.0''\text{E}$;

SK2: $15^{\circ}12'32.0''\text{N}$, $108^{\circ}56'13.0''\text{E}$;

SK3: $15^{\circ}11'33.0''\text{N}$, $108^{\circ}56'13.0''\text{E}$;

SK4: $15^{\circ}12'04.5''\text{N}$, $108^{\circ}55'08.0''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ hai điểm SK1 và SK4 chạy dọc theo bờ biển về phía cửa sông Sa Kỳ đến đường thẳng cắt ngang sông Sa Kỳ, nối hai điểm SK5 và SK6, có vị trí tọa độ sau đây:

SK5: $15^{\circ}13'00.0''\text{N}$, $108^{\circ}54'42.0''\text{E}$;

SK6: $15^{\circ}13'03.0''\text{N}$, $108^{\circ}54'47.0''\text{E}$.

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực đảo Lý Sơn:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm LS1, LS2, LS3 và LS4 có vị trí tọa độ sau đây:

LS1: $15^{\circ}22'29''\text{N}$, $109^{\circ}06'07''\text{E}$;

LS2: $15^{\circ}20'32''\text{N}$, $109^{\circ}05'35''\text{E}$.

LS3: $15^{\circ}20'10''\text{N}$, $109^{\circ}07'06''\text{E}$;

LS4: $15^{\circ}22'24''\text{N}$, $109^{\circ}07'43''\text{E}$;

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm LS1 chạy dọc theo bờ biển về phía Tây Đông đến điểm LS4.

4. Ranh giới vùng nước cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số VN50023, VN50024, VN30014 do Xi nghiệp khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc xuất bản năm 2015. Tọa độ các điểm quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ WGS-84 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ VN-2000 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời cảng biển Quảng Ngãi và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định có liên quan của pháp luật đối với hoạt động hàng hải tại cảng biển và vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mơn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi

Ngoài phạm vi vùng nước quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019. Bãi bỏ Quyết định số 03/2007/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Công



PHỤ LỤC

CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Dung Quất gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ tọa độ WGS-84		Hệ tọa độ VN 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
DQ1	15 ⁰ 23'50.0"	108 ⁰ 44'30.0"	15 ⁰ 23'53.7"	108 ⁰ 44'23.5"
DQ2	15 ⁰ 27'00.0"	108 ⁰ 43'30.0"	15 ⁰ 27'03.7"	108 ⁰ 43'23.4"
DQ3	15 ⁰ 29'56.3"	108 ⁰ 43'30.0"	15 ⁰ 30'00.0"	108 ⁰ 43'23.4"
DQ4	15 ⁰ 29'56.3"	108 ⁰ 55'06.5"	15 ⁰ 30'00.0"	108 ⁰ 55'00.0"
DQ5	15 ⁰ 21'02.6"	108 ⁰ 55'06.5"	15 ⁰ 21'06.3"	108 ⁰ 55'00.0"
DQ6	15 ⁰ 21'02.6"	108 ⁰ 52'13.5"	15 ⁰ 21'06.3"	108 ⁰ 52'07.0"

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực Sa Kỳ gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ tọa độ WGS-84		Hệ tọa độ VN 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
SK1	15 ⁰ 12'37.0"	108 ⁰ 55'41.0"	15 ⁰ 12'40.7"	108 ⁰ 55'34.5"
SK2	15 ⁰ 12'32.0"	108 ⁰ 56'13.0"	15 ⁰ 12'35.7"	108 ⁰ 56'06.5"
SK3	15 ⁰ 11'33.0"	108 ⁰ 56'13.0"	15 ⁰ 11'36.7"	108 ⁰ 56'06.5"
SK4	15 ⁰ 12'04.5"	108 ⁰ 55'08.0"	15 ⁰ 12'08.2"	108 ⁰ 55'01.5"
SK5	15 ⁰ 13'00.0"	108 ⁰ 54'42.0"	15 ⁰ 13'03.7"	108 ⁰ 54'35.5"
SK6	15 ⁰ 13'03.0"	108 ⁰ 54'47.0"	15 ⁰ 13'06.7"	108 ⁰ 54'40.5"

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Quảng Ngãi tại khu vực đảo Lý Sơn gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ tọa độ WGS-84		Hệ tọa độ VN 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
LS1	15°22'29"	109°06'07"	15°22'32.7"	109°06'00.5"
LS2	15°20'32"	109°05'35"	15°20'35.7"	109°05'28.5"
LS3	15°20'10"	109°07'06"	15°20'13.7"	109°06'59.5"
LS4	15°22'24"	109°07'43"	15°22'27.7"	109°07'36.5"